



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 3 (SỐ 4)

LIST OF ACCREDITED TESTS, THIRD EXPANTION (No. 4)

**(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 02 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)**

Tên phòng thí nghiệm:	Khoa Dinh dưỡng và phụ gia thực phẩm
<i>Laboratory:</i>	<i>Laboratory of Nutrients and food additives</i>
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia
<i>Organization:</i>	<i>National Institute for Food Control</i>
Số hiệu/ Code:	VILAS 203
Chuẩn mực công nhận	ISO/IEC 17025:2017
<i>Accreditation criteria</i>	
Lĩnh vực:	Hóa
<i>Field:</i>	<i>Chemical</i>
Người quản lý:	Lê Thị Hồng Hảo
<i>Laboratory manager:</i>	
Hiệu lực công nhận	từ ngày /02/2026 đến 22/12/2026
<i>Period of Validation:</i>	
Địa chỉ:	Số 65 Phạm Thận Duật, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội
<i>Address:</i>	<i>No 65, Pham Than Duat Street, Phu Dien ward, Ha Noi</i>
Địa điểm:	Số 65 Phạm Thận Duật, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội
<i>Location:</i>	<i>No 65, Pham Than Duat Street, Phu Dien ward, Ha Noi</i>
Điện thoại/ Tel:	02439714512
Email:	qm@nifc.gov.vn
Website:	www.nifc.gov.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 3 (SỐ 4)*LIST OF ACCREDITED TESTS, THIRD EXPANTION (No. 4)***VILAS 203****KHOA DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM****LABORATORY OF NUTRIENTS AND FOOD ADDITIVES****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm, thực phẩm bổ sung trên nền sữa, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ đặc biệt <i>Food, milk-based food supplements, medical nutritional food, food for special diets</i>	Xác định hàm lượng độc tố gây nôn (cereulide) Phương pháp LC-MS/MS <i>Quantitative determination of emetic toxin (cereulide)</i> <i>LC-MS/MS method</i>	0,1 µg/kg 0,1 µg/L	ISO 18465:2017
2.	Sữa <i>Milk</i>	Xác định điểm đóng băng Phương pháp đo nhiệt độ đông lạnh bằng điện trở nhiệt <i>Determination of freezing point</i> <i>Thermistor cryoscope method</i>	-	TCVN 7085:2011 ISO 5764:2009

Ghi chú/ Note:

Trường hợp Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the National Institute for Food Control analysis department that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

